

Số: 173/2018/QĐST-HNGĐ

P, ngày 05 tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 198/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M - sinh năm 1985.

Địa chỉ: Khu 1, xã V, huyện P, tỉnh T.

Chỗ ở hiện nay: Khu 6, thôn A, xã L, thành phố V, tỉnh T.

Bị đơn: Anh Bùi Anh V1 - sinh năm 1983.

Địa chỉ: Khu 1, xã V, huyện P, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, khoản 3 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, điều 59, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 10 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 10 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Nguyễn Thị M và anh Bùi Anh V1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về con chung : hai bên thống nhất giao cho anh Bùi Anh V1 trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Bùi Bích H - sinh ngày 08/12/2006; cháu Bùi Rượu L - sinh ngày 29/11/2011 đến khi thành niên; giao cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Bùi Diệu L1 - sinh ngày 04/01/2015 đến khi thành niên. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

* Về tài sản chung: hai bên tự thỏa thuận giao cho anh Bùi Anh V1 được quyền sở hữu và sử dụng 180 m² đất (trong đó 150m² đất ở và 30m² đất vườn) tại thửa đất số 192 tờ bản đồ số 01; Địa chỉ: khu 1, xã V, huyện P, tỉnh T. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 602365 được UBND huyện Phù Ninh cấp ngày 29/7/2009 đứng tên ông Bùi Anh V1 và bà Nguyễn Thị M. Anh V1 không phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho chị M.

* Về nợ chung, công sức: không có.

* Về án phí: Chị Nguyễn Thị M tự nguyện nộp cả 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí HNGĐ sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000977 ngày 06/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ. Chị M đã nộp đủ tiền án phí.

Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị M 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0000977 ngày 06/9/2018 và 2.000.000đ (hai triệu đồng) theo biên lai số 0000978 ngày 06/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ.

Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 05/11/2018 và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đồng sự;
- VKSND huyện;
- UBND xã V;
- Lưu: HS- VP(8).

THẨM PHÁN

Phạm Hồng Vân